TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/HNST
Ngày: 27/12/2018
Về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà *Phạm Thị Thiện*.

2. Bà *Hồ Thị Kim Luyến*.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Hương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 27/12/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 667/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1150/2018/QĐXX-ST ngày 12/12/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Huỳnh Y**, sinh năm 1976.

ĐKHKTT: 13 đường B27, Khu dân cư B, khu vực 6, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1967.

ĐKHKTT: 13 đường B27, Khu dân cư B, khu vực 6, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NHẬN THẤY:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – bà Trần Thị Huỳnh Y trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 08/01/2015. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau và thời gian kéo dài. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh phúc nhưng khohg thành, mục đích hôn nhân không đạt

được. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Trần Hà M (Nữ), sinh ngày 24/02/2015. Đề nghị Tòa án giải quyết được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai bị đơn – ông Phan Văn T trình bày:

- Về hôn nhân giữa ông và bà Trần Thị Huỳnh Y là hợp pháp và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc, cả hai không có tiếng nói chung nên bà Y yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Trần Hà M (Nữ), sinh ngày 24/02/2015. Hiện nay cháu đang sống với bà Y nên đồng ý giao con cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Do phía bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay,

Các đương sự có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và tiến hành xét xử theo quy định của của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà Y và ông T tl u nguyej n tieg tzi hoh nhah, co đăng ky keg hoh neh w zu xem la- hoh nhah hzp phap. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*. Mặc khác, bị đơn ông T có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về phần thủ tục*: Bà Y, ông T đã được triệu tập hợp lệ và các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp quy wnh tai u khoản 1 Wieti 228 cua Bojluaj

togung dah sl unăm 2015. Do wo, Toa an xet xl vang maq woig với bà Y và ông T la co cz sz.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Y và ông T tl unguyej tieg tzi hoh nhah, thzi gian wafi chung sogg ratg hanh phuc thr mah thuan phat sinh. Mah thuan chu yeg la do chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cải vả và thời gian kéo dài. Maq du, ohg ba nhiefi lafi trm cach han gan, sl a wok nhl ng khohg mang laiukeigqua. Nay bà Y thag trnh cam khohg con neh co wzn yeh cafi giải quyết ly hoh vzi ông T. Ông T được triệu tập hợp lệ nhưng ông không tham gia hòa giải cũng như xét xử và có bản tự khai trình bày về việc mâu thuẫn của vợ chồng là có nên thống nhất ly hôn với bà Y. Vr vajy, đối với yeh cafi giải quyết ly hoh cua bà Y la co cz sz wekchag nhajn.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Trần Hà M (Nữ), sinh ngày 24/02/2015. Ghi nhận việc các đương sự thống nhất giao con cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng và ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

[5] *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyeh wzn phai nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tl nhl ng nhajn wnh treh,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Huỳnh Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Trần Thị Huỳnh Y đối với ông Phan Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Trần Hà M (Nữ), sinh ngày 24/02/2015. Các đương sự thống nhất giao con cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng và

ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng) từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000504 ngày 02/11/2018 thành án phí. Bị đơn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

- Nơi nhận:
+ VKSND Q. Ninh Kiều;
+ Chi Cục THADS Q. Ninh Kiều;
+ UBND phường An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

TRẦN THỊ HỒNG GẤM